

Bản án số: 1130/2024/HS-PT
Ngày 05-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 444/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N, Đặng Thanh H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Nguyễn Trọng Hoàng T; giới tính: nam; sinh năm 1994 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: Số A, đường H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Nguyễn Trọng Đ và bà Nguyễn Thị S; vợ tên Huỳnh Thị Thu T1; có 01 con sinh năm 2023 (con được thụ tinh trong ống nghiệm) (bút lục số 367-374); tiền án, tiền sự: không;

- Bị bắt, tạm giữ: ngày 06/10/2022; tạm giam: ngày 15/10/2022. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T: Ông Lê Hồng N1 và ông Phạm Văn H1, là Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

2. Đặng Phương N; giới tính: nam; sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số A, đường L, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số A, đường Số A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12, nghề nghiệp: không; con ông Đặng Tấn S1 và bà Đặng Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

- Bị bắt, tạm giữ: ngày 06/10/2022; tạm giam: ngày 15/10/2022. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Phương N:* Ông Trần Khắc T2, là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

3. Đặng Thanh H; giới tính: nam; sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, đường Số A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Đặng Văn P và bà Phan Thị T3; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

- Bị bắt giữ (bắt quả tang): ngày 05/10/2022; tạm giữ: ngày 06/10/2022; tạm giam: ngày 15/10/2022. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thanh H:* Ông Huỳnh Trung H2 và ông Phan Văn T4, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 05/10/2022, tại trước cổng trường mầm non B, đường L, Khu phố C, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ công tác phối hợp (gồm: Đội 7 - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H, Đội 7 - Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H; Đội kiểm soát phòng, chống buôn lậu, ma túy khu vực miền B thuộc Cục điều tra chống buôn lậu - T6; Đội kiểm soát phòng, chống buôn lậu, ma túy khu vực miền N thuộc Cục điều tra chống buôn lậu - T6; Đội kiểm soát phòng, chống ma túy thuộc Cục Hải quan Thành phố H và Công an phường B, Quận G) phát hiện Đặng Thanh H đang làm thủ tục nhận hàng từ xe bưu cục có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra 02 kiện hàng của H vừa nhận, bên ngoài có dán giấy bưu cục ghi thông tin “VIETTEL POST - Mã vận đơn: 1671538528383; Người nhận: Đặng Thanh H - địa chỉ: F L, P.Bình Thuận, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại người nhận: 0971111676”. Tiến hành kiểm tra bên trong các kiện hàng thì phát hiện như sau:

- Kiện hàng thứ 1: 01 hộp giấy bên ngoài có hình máy pha cà phê hiệu Contessa, bên trong có 01 máy pha cà phê. Sau khi mở phần nắp kim loại phía sau máy, phát hiện 04 gói nylon, bên ngoài có chữ LAVAZZA, bên trong mỗi gói nylon chứa nhiều viên nén màu nâu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng là 5.709,62g, loại MDMA;

- Kiện hàng thứ 2: 01 khối kim loại hình trụ màu trắng, bên trên có tem ghi chữ Gorenje. Sau khi mở phần nắp bên trên khối kim loại, phát hiện bên trong có 01 gói nylon màu vàng chứa nhiều viên nén màu nâu và 03 túi nylon chứa nhiều viên nén màu xám, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 9.067,48g, loại MDMA.

H khai rằng: Số ma túy đã nêu là của Đặng Phương N và Nguyễn Trọng Hoàng T thuê H đi nhận về đưa lại cho N và T để được trả công bằng tiền.

Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H, thu giữ vật chứng là ma túy như đã nêu (bút lục số 166).

Lúc 18 giờ 30 phút ngày 05/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H và N tại nhà số A, đường Số A, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, đã phát hiện thu giữ của N (bút lục số 161):

- Trên bàn gỗ có một hộp gỗ hình tròn bên trong có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0202g, loại Ketamine.

- Trên nền nhà có 01 bịch giấy bên ngoài ghi chữ Zara, bên trong chứa 16 viên nén màu xanh, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 8,4717g, loại MDMA.

- 01 hộp nhựa màu trắng chứa nhiều viên nén màu xanh, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 64,4212g, loại MDMA.

- 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng ngà, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0016g, loại Ketamine, M.

- 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5177g, loại Ketamine.

- 02 viên nén màu nâu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1720g, loại MDMA.

- 02 viên nén màu xám, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1462g, loại MDMA.

- 01 viên nén màu hồng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4452g, loại MDMA.

- 01 viên nén màu xanh, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5598g, loại MDMA.

- 01 gói giấy màu xanh bên ngoài ghi chữ FRUIT, bên trong chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0787g, loại MDMA, Methamphetamine, Nimetazepam.

- 01 túi giấy màu hồng bên trong có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng, kết quả giám định không tìm thấy chất ma túy.

- 01 túi nylon màu đen chứa nhiều gói nylon, 01 cân điện tử, 04 muỗng nhựa, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ nhựa, 01 tờ giấy được cuộn tròn.

- 01 hộp giấy bên trong có 01 khối kim loại hình khẩu súng, 01 băng đạn chứa nhiều viên kim loại hình viên đạn màu trắng, kết quả giám định không phải vũ khí quân dụng; là loại súng sử dụng khí nén bắn đạn bi, không xác định được nguồn gốc xuất xứ thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm bị cấm (bút lục số 266).

Bị cáo H khai rằng số ma túy thu giữ tại nhà số A đường Số A, phường B, Quận G là của Đặng Phương N, N thuê H đi nhận trước đó, H đã nhận và mang về đưa lại cho N cất giữ.

Khối lượng ma túy, chất dạng ma túy nêu ở phần trên được xác định theo Kết luận giám định số 5773/KL-KTHS ngày 12/10/2022 của Phòng K - Công an Thành phố H (bút lục số 262-263).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, ngày 06/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với T và N.

Quá trình điều tra, T khai: Qua ứng dụng Telegram, T có quen biết với một người tên Na N2 (không rõ lai lịch) cư trú tại nước Đức. Na N2 nói với T là Na Na có bán ma túy tổng hợp (thuốc lắc) số lượng lớn, nếu có khách mua thì giới thiệu, Na Na sẽ gửi ma túy về cho T để bán. Sau đó, T bàn bạc với N là sẽ mua thuốc lắc của Na N2 với giá 85.000đ/viên về bán lại cho khách để kiếm lời, khi nào Na N2 gửi ma túy về Việt Nam thì N đi nhận hàng mang về nơi ở cất giấu và tìm nơi tiêu thụ, nếu bán được thì T trả công cho N 5.000.000đ/1.000 viên, N đồng ý. Sau đó, T thỏa thuận đặt mua của Na Na 20.000 viên thuốc lắc, với điều kiện khi nào bán được sẽ trả tiền sau. Ngày 05/10/2022, Na N2 thông báo cho T biết là đã gửi 02 kiện hàng bên trong có chứa khoảng 32.000 viên ma túy tổng hợp (gồm 20.000 viên T đã đặt mua và 12.000 viên Na Na gửi thêm nhờ T bán giúp) bằng dịch vụ chuyển hàng qua bưu cục; đồng thời, Na N2 yêu cầu T trả trước 300.000.000đ khi nhận được ma túy. Tuy nhiên, T chỉ đồng ý nhận 20.000 viên thuốc lắc như đã đặt mua, còn lại 12.000 viên sẽ mang cất giữ để trả lại cho Na Na. Lúc này, T kêu N đi đến trước cổng Trường mầm non B, Số F, đường L, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh gặp nhân viên bưu cục nhận 02 kiện hàng đã nêu nhưng N nói với T là sẽ thuê Đặng Thanh H đi nhận. Đồng thời, N cho T số điện thoại của H để T làm thủ tục chuyển hàng. Lúc 13 giờ 00 phút, ngày 05/10/2022, khi H đang làm thủ tục nhận 02 kiện hàng bên trong có chứa ma túy thì bị bắt giữ.

N khai nhận phù hợp với lời khai của T về quan hệ mua bán ma túy giữa N và T. Đồng thời, N khai như sau: Nam thuê H đi nhận ma túy với số tiền công là 2.000.000đ, H đồng ý. Khi H đang nhận 02 kiện hàng chứa khoảng 32.000 viên ma túy tổng hợp tại địa chỉ trước nhà Số F, đường L, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt. Số ma túy khám xét thu giữ tại nhà Số A, đường Số A, phường B, Quận G là của N, N mua của một người thanh niên tên T5 (không rõ lai lịch) với giá 2.000.000đ tại khu vực Quận G vào khoảng tháng 8/2022; N thuê H đi nhận giúp số ma túy vừa nêu mang về giao lại cho N. N cất giấu số ma túy này để sử dụng dần cho bản thân nhưng chưa sử dụng hết thì bị Công an thu giữ. Nam trả đã trả công cho H 2.000.000đ.

H khai như sau: N đã 02 lần thuê H đi nhận ma túy. H chỉ có nhiệm vụ đi nhận ma túy về đưa lại cho N mà không biết N sử dụng số ma túy vào mục đích gì. N đã trả công cho H 2.000.000đ.

Ngoài số vật chứng thu giữ của H và N như đã nêu, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn thu giữ một số vật chứng và đồ vật liên quan như sau:

- Thu giữ của N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone dùng để liên lạc giao nhận, mua bán ma túy; 01 xe ô-tô biển số 51G 54.831,

- Thu giữ của H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone dùng để liên lạc giao nhận ma túy; 01 xe máy mang biển số 71L1-01.035 (xe do H đứng tên đăng ký chủ sở hữu).

-Thu giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

Theo kết quả điều tra, xác định được xe ô-tô biển số 51G-54.831 do bà Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1965 trú tại Số B, N, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà H3 cho bị cáo N thuê với giá 400.000đ/ngày để đi lại. Không có căn cứ để xác định bà H3 liên quan đến tội phạm. Do vậy, ngày 09/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe cho bà H3 (bút lục số 273).

Đối với 01 khối kim loại hình khẩu súng, 01 băng đạn chứa nhiều viên kim loại hình viên đạn màu trắng: Được xác định là loại súng sử dụng khí nén bắn đạn bi, thuộc nhóm đồ chơi nguy hiểm. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã lập hồ sơ bàn giao cho Công an Q xử lý hành chính theo quy định (bút lục số 266).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 3 Điều 249, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 4 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Đặng Phương N, tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 1 (mười hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình;

3. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt Đặng Thanh H, tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí, các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, bị cáo Đặng Thanh H làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tử hình là quá nặng, không đúng với tính chất vụ án, oan sai cho bị cáo, xin được xem xét và xét xử lại cho bị cáo;

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tử hình là quá nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, bị cáo Đặng Phương N làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo tử hình là quá nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N và Đặng Thanh H đều kháng cáo kêu oan, cho rằng cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là oan cho các bị cáo.

- Bị cáo T cho rằng bị cáo chỉ giới thiệu bị cáo N cho Na N2 để nhận ma túy từ Đ1 gửi về, nhưng ma túy được gửi từ Hà Nội vào và người nhận là bị cáo H và H khai nhận do N kêu đi nhận nên ma túy này không phải do bị cáo kêu H nhận; bị cáo và H không hề quen biết nên ma túy bị bắt quả tang không phải của bị cáo, bị cáo không biết gì về số ma túy này. Ngoài ra, những tin nhắn qua lại giữa bị cáo và N được thực hiện sau khi N bị bắt. Như vậy N không thể nhắn cho bị cáo và bị cáo cũng không hề nhắn tin gì cho N.

- Bị cáo N cho rằng bị cáo không biết T mua bán ma túy và bị cáo cũng không mua bán ma túy. Bị cáo chỉ nhận lời T nhận hàng là nước hoa từ nước ngoài gửi về, khi bị bắt bị cáo mới biết đó là ma túy. Trường chỉ kêu bị cáo cho số điện thoại của H cho T để nhờ nhận hàng dùm nên số ma túy này bị cáo không biết. Tin nhắn trong điện thoại bị cáo không phải là bị cáo nhắn vì khi đó bị cáo bị bắt và bị thu giữ điện thoại. Ngoài ra, trong quá trình lấy lời khai tại cơ quan điều tra bị cáo bị mớm cung, buộc phải khai báo như những lời khai trong hồ sơ.

- Bị cáo H cho rằng N kêu bị cáo đi nhận hàng dùm nhưng không nói là hàng gì và bị cáo cũng không biết đó là ma túy. Bị cáo và T không hề quen biết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo và T là bạn bè là không chính xác. Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị cáo bị ép buộc phải khai báo như những lời khai trong hồ sơ, nếu khai sai sẽ không cho gặp luật sư để làm việc.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Kiểm sát viên khẳng định quá trình điều tra, truy tố các bị cáo của cấp sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; các bị cáo tự nguyện khai báo, viết bản tự khai

nhận hành vi phạm tội cho đến lúc xét xử sơ thẩm các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội thể hiện tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm mà các bị cáo xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm là đúng lời trình bày của các bị cáo (Biên bản phiên tòa sơ thẩm trang 5, 8, 9). Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm không phải chỉ đánh giá chứng cứ duy nhất là các tin nhắn qua lại của các bị cáo mà đã đánh giá toàn diện các chứng cứ đã thu thập được như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời nhận tội của các bị cáo, lời khai nhận của các bị cáo đều có luật sư tham gia ký tên xác nhận. Bị cáo H khai nhận khi đi nhận hàng biết đó là ma túy, lời khai này có luật H và luật sư T4 tại phiên tòa hôm nay tham gia, tại phiên tòa sơ thẩm H vẫn khai nhận khi nhận hàng biết là ma túy và nhận theo yêu cầu của N nên việc thừa nhận này là khách quan, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ. Vấn đề cho rằng có sự mớm cung, nhục hình, ép cung trong quá trình điều tra, xét thấy các luật sư đều có tham gia phần hỏi cung các bị cáo diễn ra bình thường và không có luật sư nào có ý kiến cho rằng có sự ép buộc trong quá trình tố tụng. Về vấn đề có sự chênh lệch khối lượng chất ma túy trong kết luận giám định đã xác định được kết luận sơ bộ để điều tra vụ án và căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang đã xác định hai kiện hàng mà H vừa nhận để xác định khối lượng chất ma túy là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xác định cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là không oan. Số lượng ma túy là đặc biệt lớn, các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Các luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T trình bày: Theo Cáo trạng truy tố thì nguồn gốc ma túy do T liên hệ từ một người tên là Na N2 gửi về từ C (cụ thể từ nước Đức). Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần thì sau đó đã xác định nguồn gốc ma túy từ Hà Nội gửi về Thành phố Hồ Chí Minh, người gửi là “Tuanhang” cho người nhận là bị cáo H. Như vậy có hai nguồn hàng trùng khớp gửi cùng lúc nên T hoàn toàn không biết số ma túy này là có cơ sở. N khai T kêu Nam cho số điện thoại của H cho T để liên lạc nhận hàng nhưng T và H đều khai không quen biết và cũng không có liên lạc với nhau nên việc cho rằng H nhận ma túy giúp T là không có căn cứ. “Tuanhang” là ai, nguồn hàng từ Hà Nội gửi vào Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan gì đến Trường không, cơ quan điều tra chưa làm rõ và cũng không có căn cứ chứng minh. Khi bắt T vào lúc 20 giờ ngày 05/10, nhưng biên bản mở điện thoại của T ghi lúc 12 giờ có nghĩa là thu giữ điện thoại trước khi bắt T là không có cơ sở. Đặc biệt, sự xác nhận trao đổi tin nhắn giữa T và N tại bút lục số 45 của hồ sơ vụ án lại không có xác nhận tên những người nhắn với nhau và người nhắn tin qua lại cũng không phải là T và N. N đã bị bắt thì ai sử dụng điện thoại của N để nhắn tin với E và E cũng không phải là bị cáo T. Ngoài ra thông báo kết luận giám định sơ bộ chỉ có hơn 6.000 gam ma túy nhưng kết luận chính thức quy kết các bị cáo mua bán số lượng lên đến 14.000 gam; Tòa

án sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra nhưng Viện kiểm sát không trả lời được. Vấn đề các bị cáo khai bị mớm cung, ép cung trong quá trình điều tra cũng cần được xem xét lại. Từ những đánh giá chứng cứ chưa vững chắc của cấp sơ thẩm, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại cho đúng quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Phương N trình bày: Thống nhất với các lập luận của các luật sư bào chữa cho bị cáo T về nguồn hàng ma túy từ đâu mà chuyển về để xác định có hàng mà T và N đã thỏa thuận từ đầu là từ Đ1 chuyển về hay không, trong khi kiện hàng được gửi từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh. Chỉ có chứng cứ duy nhất là xác nhận của T và N tại bút lục số 45 mà quy kết có sự mua bán giữa N và T là chưa đủ căn cứ vững chắc. Vấn đề mớm cung, ép cung là có khả năng nhưng các bị cáo khó mà chứng minh được. Từ những vấn đề mà các luật sư đã phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại tránh oan sai cho các bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Thanh H trình bày: Về cơ bản thống nhất như lập luận các luật sư đã bào chữa cho bị cáo T và N. Đối với bị cáo H, tại bản tường trình bị cáo có đề nghị có luật sư bào chữa tham gia nhưng cơ quan điều tra không đồng ý và vẫn tiến hành lấy lời khai; Cáo trạng và bản án sơ thẩm xác định H nhận ma túy cho T và N trong khi đó T và H đều xác nhận là không hề quen biết nhau và cũng không có số điện thoại của nhau; tại phiên tòa N xác nhận không hề nói với H nhận kiện hàng là ma túy và H cũng không biết đó là ma túy; chỉ duy nhất lời khai của H nhưng cấp sơ thẩm xác định H hai lần vận chuyển ma túy cho N để dùng làm tình tiết tăng nặng đối với H là chưa đủ căn cứ; người gửi hàng cho H là “Tuanhang” nhưng H không biết đó là ai và không có lịch sử cuộc gọi nào giữa H và người này; bị cáo H khi nhận Cáo trạng có khiếu nại về việc mớm cung, không phải bị cáo chối tội mà vì theo gợi ý của kiểm sát viên, bị cáo muốn hợp tác với cơ quan điều tra và chỉ mong muốn được trả tự do; ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, không biết sử dụng ma túy, hành nghề lái xe nên chứng tỏ ý thức bị cáo không biết kiện hàng mình nhận là ma túy. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N, Đặng Thanh H có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và H thay đổi nội dung kháng cáo, không xin giảm nhẹ hình phạt mà cho rằng cấp sơ thẩm xét xử oan, sai đối với các bị cáo. Nội dung chính các bị cáo cho rằng bị xét xử oan sai bao gồm: Các bị cáo không thỏa thuận mua bán ma túy mà chỉ nhập hàng là nước hoa từ Cộng hòa Liên bang Đ1 gửi về từ một người tên là Na N2 (các bị cáo chỉ liên lạc qua điện thoại mà chưa hề gặp Na N2) đến khi H nhận 02 kiện hàng thì mới phát hiện là ma túy; giữa T và H không quen biết, không liên lạc với nhau; N cũng không cho H biết khi nhận hàng là ma túy; H cũng không biết kiện hàng đã nhận là ma túy; có sự mớm cung, ép cung, hăm dọa từ điều tra viên.

[2.2] Các luật sư thì cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc ma túy từ đâu mà có; mối quan hệ giữa Na N2 và “Tuanhang” chưa được cơ quan điều tra làm rõ; có sự trùng hợp giữa N, Trưởng thỏa thuận mua hàng từ Na Na cùng lúc H nhận ma túy từ Hà Nội gửi về; đồng thời xem xét việc có hay không hành vi mớm cung, nhục hình của điều tra viên.

[2.3] Về những nội dung liên quan đến lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và nội dung bào chữa của các bị cáo và các luật sư. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3.1] Quá trình làm việc với các bị cáo, cụ thể là các biên bản hỏi cung có sự tham gia của các luật sư, các bị cáo đều xác nhận trước các luật sư bào chữa cho các bị cáo rằng, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là theo sự thật, không có sự mớm cung, nhục hình. Thậm chí có những luật sư tham gia buổi hỏi cung các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay. Vì vậy, việc cho rằng có sự mớm cung, nhục hình các bị cáo là không có căn cứ.

[2.3.2] Trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị cáo T khai rằng: T chỉ là người giới thiệu Na Na với N; còn việc mua bán ma túy giữa N với Na N2 như thế nào thì T không biết. Sau đó T lại khai rằng T chỉ là người giới thiệu Na Na với N để mua bán mỹ phẩm, nước hoa; việc mua bán, chuyển hàng như thế nào thì T không biết. Chỉ đến khi Na N2 đã chuyển 02 thùng hàng cho N thì Na N2 mới báo cho T biết là 02 thùng hàng có chứa ma túy nhưng không liên lạc được với N nên Na N2 nhờ T liên lạc với N, T mới liên lạc với N, báo cho N biết; do không hiểu biết pháp luật nên T đã nhờ N cất giữ và tiêu thụ số ma túy đã đề cập. Lời khai của T như đã nêu là mâu thuẫn với lời khai nhận tội của T trong quá trình điều tra; không phù hợp với chứng cứ vật chất là các tin nhắn qua nền tảng xã hội Telegram được trích xuất từ điện thoại thu giữ của N đã được N và T xác nhận tại bút lục số 45 như sau: “Chú đề đó đi, ai lấy chú đóng giúp tôi có nghĩa tôi kêu N giữ thùng thuốc lắc đi (1 thùng trả chú 5t tiền công, tôi không có người giữ kho. Ra hết số ma túy này sẽ nghỉ luôn. Còn nếu mỗi tôi ra tôi cũng trả chú 5t tiền công giờ có thể đóng gửi tôi trước 2 thùng được không?”. Mặc dù không chỉ xem việc xác nhận này là căn cứ duy nhất để xác định có sự thỏa thuận của N và T về số ma túy đã nhận nhưng nó phù hợp với lời khai nhận ban đầu của các bị cáo T, N và H. Các bị cáo cho rằng có sự mớm cung của cơ quan điều tra, nhưng điều tra viên khi bắt quả tang H thì đâu biết được N kêu H đi nhận ma túy, không biết địa chỉ N ở đâu, có mối quan hệ gì với H, càng không biết T là

ai và mua ma túy từ đâu; chỉ có các bị cáo khai nhận từ ban đầu thì điều tra viên mới biết được và thực hiện các hoạt động điều tra theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo N khai rằng, T chỉ nhờ N nhận hàng mà không nói rõ hàng gì. Chỉ sau khi hàng được chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh thì T mới báo cho N biết là trong thùng hàng có 32.000 viên ma túy. N bảo nhiều quá, Nam chỉ đồng ý nhận 20.000 viên và đề nghị trả lại cho T 12.000 viên. Lời khai như đã nêu là mâu thuẫn với lời khai nhận tội của N tại Cơ quan điều tra. Thậm chí ngay trong lời khai vừa nêu cũng có sự mâu thuẫn, đó là: nếu N và T không có sự thỏa thuận trước về việc mua 20.000 viên ma túy thì sẽ không có việc N báo trả lại 12.000 viên ma túy cho T, cũng sẽ không có việc T bảo N cất giữ giùm ma túy như đã được nêu ở phần trên. Điều này cũng chứng minh rằng khi bắt quả tang H nhận ma túy, điều tra viên cũng không biết được trong hai kiện hàng có 32.000 viên ma túy mà chỉ có việc khai nhận của các bị cáo và điều tra viên kiểm tra kết quả phù hợp lời khai nhận của các bị cáo.

Tại phiên tòa, H khai rằng H không biết trong các thùng hàng mà N nhờ H đi nhận là ma túy. N cũng khai rằng N không cho H biết trong thùng hàng có ma túy. Tuy nhiên, lời khai của H và N như đã nêu là mâu thuẫn với lời khai của H và N trong quá trình điều tra, H khai rằng H biết trong thùng hàng có chứa ma túy, N cũng xác nhận điều này. Lời khai nhận tội của H và N tại cơ quan điều tra có sự chứng kiến của các luật sư là phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ, đảm bảo tính sự thật, khách quan.

[2.4] Từ những phân tích trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, vật chứng thu giữ được là ma túy, tin nhắn điện thoại qua điện thoại giữa T và N, lời khai nhận của H. Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định:

Vì động cơ vụ lợi, bị cáo N và T đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. T và N đã mua ma túy của một người không rõ lai lịch. Ma túy được vận chuyển từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh cho N qua đường bưu điện. H là người được N thuê đi nhận ma túy, N gửi số điện thoại và thông tin của H cho T để T gửi cho người bán ma túy, để người bán ma túy chuyển ma túy vào Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 05/10/2022, khi H đến trước cổng Trường mầm non B, trên đường L, Khu phố C, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận 02 thùng hàng chứa 14.777,1g ma túy ở thể rắn, loại MDMA ma túy từ xe của bưu cục VIETTEL thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 8/2022, N còn mua ma túy của một người tên T5 (không rõ lai lịch) ở khu vực Quận G và thuê H đi nhận. H đã đi nhận ma túy và mang về giao lại cho N. N cất giấu ma túy ở trong nhà số A đường Số A, phường B, Quận G, với mục đích để sử dụng cho bản thân. Vào ngày 05/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám xét nơi ở của N tại địa chỉ vừa nêu, thu giữ được 78,8343g ma túy các loại gồm: 76,2161g

MDMA; 0,5379g Ketamine; 1,0016g hỗn hợp Ketamine, Methamphetamine; 1,0787g hỗn hợp MDMA, Methamphetamine, Nimetazepam. Đây là số ma túy mà N mua của T5 để sử dụng cho bản thân nhưng chưa sử dụng hết.

H vận chuyển thuê ma túy cho N và T nhưng H không biết chính xác N và T sử dụng ma túy vào việc gì. Tổng khối lượng ma túy mà H đã vận chuyển được xác định là 14.855,9343g, bao gồm 14.777,1g MDMA thu giữ bị bắt quả tang và 78,8343g hỗn hợp ma túy các loại thu giữ tại nơi ở của N và H.

Căn cứ các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Phương N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 và điểm b khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Thanh H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh như trên là không oan, đúng pháp luật.

[2.5] Bản án sơ thẩm có nhận định: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có một số thiếu sót như luật sư đã nêu ra, đó là: Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với N không ghi tên người thi hành; Biên bản kiểm tra điện thoại của H ngày 14/10/2022 không có đóng dấu của Cơ quan điều tra; biên bản nhận dạng qua ảnh (cho H nhận dạng N) không có tên của N trong danh sách người đưa ra nhận dạng. Tuy nhiên, các thiếu sót đã nêu không làm thay đổi bản chất vụ việc, cơ quan điều tra cần rút kinh nghiệm.

Về việc Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện đầy đủ các yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Trong quá trình điều tra, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành văn bản trả hồ sơ cho Viện kiểm sát, yêu cầu làm rõ số điện thoại và người có tên là “TuanHang”, ở địa chỉ số E, đường N, phường S, quận L, Thành phố Hà Nội, là người đã gửi 02 kiện hàng chứa ma túy vào Thành phố Hồ Chí Minh cho người nhận là bị cáo H; đồng thời, làm rõ các số điện thoại liên quan có liên lạc với các bị cáo. Mục đích là tránh bỏ lọt người phạm tội và làm rõ vai trò của các bị cáo. Viện kiểm sát có văn bản cho biết, theo kết quả ủy thác điều tra thì không có người tên “TuanHang” ở địa chỉ E, đường N, phường S, quận L, Thành phố Hà Nội; Cơ quan viễn thông thì vẫn chưa có văn bản trả lời. Như vậy, các nội dung đã nêu là chưa được làm rõ. Tuy nhiên, việc này không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Nhận định này của cấp sơ thẩm là có căn cứ nhằm giải quyết nhanh chóng vụ án. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục điều tra nội dung trên, nếu có căn cứ tiếp tục khởi tố, truy tố xét xử sau.

[3].Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến

chính sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, pháp luật của Nhà nước ta nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, gây nguy hiểm cho xã hội, sẽ bị nghiêm trị nhưng vẫn cố ý vi phạm, bất chấp pháp luật chỉ vì động cơ ham lợi của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia; xâm phạm hoạt động của Nhà nước trong việc độc quyền quản lý và kiểm soát các chất ma túy.

[4].Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo như:

Bị cáo N và T đã mua bán trái phép 14.777,1g ma túy chất dạng MDMA, đây là khối lượng đặc biệt lớn, gấp hơn 140 lần so với khối lượng ma túy quy định là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, N còn tàng trữ 78,8343g hỗn hợp chất ma túy các loại, đây là khối lượng ma túy lớn so với khối lượng ma túy quy định là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H vận chuyển trái phép 14.855,9343g ma túy các loại, đây là khối lượng chất ma túy đặc biệt lớn, gấp hơn 104 lần so với khối lượng chất ma túy quy định là tình tiết định khung hình phạt tại khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn.

H phạm tội 02 lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với H.

Bị cáo T có con nhỏ, vợ bị khuyết tật; bị cáo N và bị cáo H có người thân là người có công với cách mạng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo

Bị cáo N còn phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với N về tội danh này; đồng thời, áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cũng như nhận định về hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Các bị cáo kháng cáo kêu oan, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là không oan và các bị cáo tuy có các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích, nhưng các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; với khối lượng ma túy phạm tội là đặc biệt lớn nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt cao nhất đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì đặc biệt mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận

kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức án mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N, Đặng Thanh H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, Đặng Phương N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Đặng Thanh H phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 3 Điều 249, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Phương N.

Xử phạt bị cáo Đặng Phương N, tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 1 (mười hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và căn cứ khoản 4 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Thanh H.

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh H, tử hình về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N, Đặng Thanh H được gửi đơn lên Chủ tịch N3 để xin ân giảm án tử hình.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Trọng Hoàng T, Đặng Phương N, Đặng Thanh H mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Trại tạm giam CA TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú